**Phụ lục**

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Phụng Hiệp)*

| **STT** | **Nội dung nhiệm vụ** | **Đơn vị chủ trì** | **Đơn vị phối hợp/Hướng dẫn triển khai** | **Thời gian** **thực hiện** | **Mục tiêu/Kết quả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.** | **Chuyển đổi nhận thức** |
| 1 | Xây dựng chuyên mục riêng về Chuyển đổi số, Chính quyền số và thường xuyên cập nhật tin bài trên Trang TTĐT huyện | Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thanh, Văn phòng HĐND và UBND huyện | Phòng Văn hóa và Thông tin | Hàng tháng | Có tối thiểu 3 bài đăng trong chuyên mục Chuyển đổi số, Chính quyền số trên Trang TTĐT huyện |
| 2 | Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số (xây dựng chương trình, tiếp sóng hoặc phát chuyên mục từ hợp tác). | Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thanh huyện | Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | Hàng tuần | - Tần suất phát sóng từ 1 lần/1 tuần. |
| **II.** | **Thể chế số** |
| 1 | Kế hoạch hành động hằng năm của huyện về chuyển đổi số. | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện | Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | Ban hành trước ngày 15/02/2023 |  |
| **III.** | **Nhân lực số** |
| 1 | Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã được tập huấn trên nền tảng onetouch | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện | Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | Khi được yêu cầu | Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã có 80% tài khoản trong tổ tham gia học |
| 2 | Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức ấp được tập huấn trên nền tảng onetouch | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện | Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | Khi được yêu cầu | Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức ấp, khu vực có 70% tài khoản trong tổ tham gia học |
| 3 | Phòng Văn hóa và Thông tin có chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số | Phòng Nội vụ huyện | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện | Quý I | Tham mưu UBND huyện bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số. |
| 4 | Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện | Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | Quý I | Phân công cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số (bổ sung nhiệm vụ trong quyết định phân công chuyên trách CNTT nếu có bằng CNTT và phân kiêm nhiệm nếu văn bằng khác) |
| 5 | Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng | Phòng Văn hóa và Thông tin huyện | Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | Quý I | Phân công cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ về ATTT (bổ sung nhiệm vụ trong quyết định phân công chuyên trách CNTT nếu có bằng CNTT và phân kiêm nhiệm nếu văn bằng khác) |
| 6 | Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số. | Phòng Văn hóa và Thông tin | Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | Quý II | Xây dựng Kế hoạch và tổ chức đào tạo tập huấn về chuyển đổi số cho CBCCVC của đơn vị mình (đảm bảo 100% công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn) |
| 7 | Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số | Phòng Văn hóa và Thông tin | Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | Quý II | Hướng dẫn, tập huấn người dân sử dụng kỹ năng số (sử dụng DVC TT, cài đặt ứng dụng, thanh toán không dùng tiền mặt...) (Danh sách ghi lại thời gian hướng dẫn, tên người được triển khai, địa chỉ, triển khai nội dung gì..và có ký tên người được hướng dẫn)  |
| **IV.** | **An toàn thông tin mạng** |
| 1 | Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn ATTT hoặc các cuộc diễn tập được triển khai | Phòng Văn hóa và Thông tin | Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | Tham gia các lớp, các cuộc diễn tập về an toàn thông tin tại tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức. | Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn. |
| 2 | Kinh phí chung chi cho ATTT  | Phòng Tài chính – kế hoạch | Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | Quý III | Cung cấp hồ sơ quyết toán giải ngân của các đơn vị trong việc chi cho ATTT (dự án, mua phần mềm duyệt virus, mua thiết bị bảo mật, chi đào tạo, tập huấn ATTT...) |
| **V.** | **Hoạt động chính quyền số** |
| 1 | Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến | Phòng Văn hóa và Thông tin | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | Liên tục | Đề xuất: Các đơn vị xây dựng giải pháp để tất cả DVCTT có phát sinh hồ sơ đều nộp trực tuyến |
| 2 | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến | Phòng Văn hóa và Thông tin | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | Liên tục | Đề xuất: Các đơn vị xây dựng giải pháp để tất cả các hố sơ DVC trực tuyến đều xử lý trực tuyến trực tuyến |
| 3 | Tỷ lệ văn bản đi có ký số và phát hành trên môi trường mạng | VP HĐND và UBND | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | Báo cáo hàng quý | Tỷ lệ xuất trên phần mềm QLVB do đó các đơn vị đảm bảo văn bản phát hành được ký số đầy đủ và đúng quy định. |
| 4 | Sử dụng chứng thư số đảm bảo theo quy định về an toàn bảo mật (không làm mất, thất lạc) hoặc cán bộ nghỉ hưu, bị thôi việc nhưng không báo thu hồi hoặc chậm đề nghị cấp đổi/gia hạn/cấp mới. | VP HĐND và UBND | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | Hàng tháng | Thực hiện việc báo cáo tình hình sử dụng chứng thư của đơn vị theo quy định |
| 5 | Tỷ lệ báo cáo định kỳ của đơn vị được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ | VP HĐND và UBND | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | Hàng Quý | Đảm bảo báo cáo đầy đủ theo quy định |
| 6 | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT | VP HĐND và UBND | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | Liên tục | Phục vụ người dân và doanh nghiệp chuyên nghiệp, tận tâm, nhiệt tình… |
| 7 | Tỷ lệ TTHC đã triển khai (đăng ký) có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích | Phòng Văn hóa và Thông tin | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | Liên tục | Đăng ký TTHC tiếp nhận qua hệ thống bưu chính công ích (BCCI) |
| 8 | Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | Quý IV | Tổng hợp báo cáo quyết toán của từng đơn vị. |
| **VI.** | **Hoạt động kinh tế số** |
| 1 | Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | 15/12/2023 | Báo cáo quyết toán tổng hợp từ các đơn vị cấp huyên về việc đầu tư ngân sách nhà nước cho kinh tế số |
| 2 | Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | 15/12/2023 | Báo cáo quyết toán tổng hợp từ các đơn vị cấp huyện về việc mua sắm từ ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho kinh tế số |
| **VII.** | **Hoạt động xã hội số** |
| 1 | Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông | Phòng Văn hóa và Thông tin | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | Quý II | Đào tạo người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông (số lượng học sinh các trường từ 15 tuổi trở lên; cbcc, vc; số lượng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận công nghệ số (số lượt người,địa chỉ, sđt) |
| 2 | Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số | Phòng Tài chính - kế hoạch | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | 15/12/2023 | Báo cáo tổng hợp từ huyện về việc đầu tư ngân sách nhà nước cho xã hội số |
| 3 | Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số | Phòng Tài chính - kế hoạch | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | 15/12/2023 | Báo cáo tổng hợp từ huyện về việc đầu tư ngân sách nhà nước cho xã hội số |
| 4 | Tạo kênh kết nối thông tin thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp | Văn phòng HĐND-UBND huyện | UBND các xã, thị trấn | 30/11/2023 | Xây dựng trang Zalo OA tại các xã, huyện (tích họp link tới DVC, tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ,...), tuyên truyền người dân xã mình thích trang Zalo OA để tạo thêm kênh trao đổi thông tin trực tuyến với người dân;  |
| 5 | Tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn qua Cổng DVC | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | 30/11/2023 | Tiếp nhận phản ánh và xử lý đúng thời gian quy định của từng đơn vị |
| 6 | Tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn qua App di động | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | 30/11/2023 | Tiếp nhận phản ánh và xử lý đúng thời gian quy định của quy chế phản ánh hiện trường |
| 7 | Tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn qua Tin nhắn trên các nền tảng liên lạc (Zalo, Messenger…) | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | 30/11/2023 | Tiếp nhận phản ánh và xử lý đúng thời gian quy định  |
| 8 | Mức độ hài lòng với việc xử lý phản ánh qua Cổng DVC | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | 30/11/2023 | Xử lý thấu tình, đạt lý, mang tính cầu thị trong hỗ trợ xử lý vấn đề và đảm bảo thời gian đúng quy định |
| 9 | Mức độ hài lòng với việc xử lý phản ánh qua App di động | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | 30/11/2023 | Xử lý thấu tình, đạt lý, mang tính cầu thị trong hỗ trợ xử lý vấn đề và đảm bảo thời gian đúng quy định |
| 10 | Mức độ hài lòng với việc xử lý phản ánh qua Tin nhắn trên các nền tảng liên lạc (Zalo, Messenger…) | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Các Phòng ban, ngành và các xã, thị trấn | 30/11/2023 | Xử lý thấu tình, đạt lý, mang tính cầu thị trong hỗ trợ xử lý vấn đề và đảm bảo thời gian đúng quy định |